

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LỊCH SỬ CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC CHỦ ĐỀ “MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI CỔ – TRUNG ĐẠI” LỚP 10 THPT

TS. Nguyễn Văn Ninh*, Đào Ngọc Linh**
*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
**Trường TH, THCS và THPT Quốc tế Nhật Bản
Email: linhdn@jis.edu.vn

Tóm tắt: Trong bối cảnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, việc phát triển năng lực lịch sử (NLLS) cho học sinh (HS) là yêu cầu cốt lõi của dạy học lịch sử hiện đại. Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu về một số biện pháp phát triển NLLS cho HS lớp 10 THPT thông qua dạy học chủ đề “Một số nền văn minh thế giới thời cổ – trung đại” tại môi trường giáo dục quốc tế đa ngữ, đa văn hóa. Trên cơ sở khảo sát thực trạng với 57 giáo viên (GV) và 306 HS, bài viết đề xuất hệ thống biện pháp dạy học có tính khả thi cao: (1) Tổ chức học tập trải nghiệm thông qua bảo tàng ảo và học liệu số đa ngôn ngữ; (2) Vận dụng dạy học dự án (PBL) theo tiếp cận liên văn hóa; (3) Sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực kết hợp khai thác sử liệu đa dạng; (4) Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển NLLS. Kết quả khảo sát cho thấy GV và HS đánh giá cao tính khả thi của các biện pháp đề xuất, đặc biệt ở biện pháp sử dụng bảo tàng ảo, dạy học dự án và đánh giá qua sản phẩm thực tế

Từ khóa: năng lực lịch sử, dạy học lịch sử, văn minh thế giới, bảo tàng ảo, dạy học dự án, môi trường quốc tế.

DEVELOP HISTORICAL COMPETENCE FOR STUDENTS IN TEACHING THE TOPIC “SOME WORLD CIVILIZATIONS OF THE ANCIENT AND MEDIEVAL PERIODS” GRADE 10

Abstract: In the context of implementing the 2018 General Education Program, developing historical competence for students is a core requirement of modern history teaching. This article presents research results on some measures to develop historical competence for Grade 10 students through teaching the topic “Some World Civilizations of the Ancient and Medieval Periods” in a multilingual and multicultural international education environment. Based on a survey of 57 teachers and 306 students, the article proposes a system of highly feasible teaching measures: (1) Organizing experiential learning through virtual museums and multilingual digital learning materials; (2) Applying project-based learning (PBL) with an intercultural approach; (3) Using active teaching techniques combined with diverse historical source exploitation; (4) Innovating assessment towards developing historical competence. Survey results show that teachers and students highly rated the feasibility of proposed measures, especially virtual museum use, project-based learning, and product-based assessment.

Keywords: historical competence, history teaching, world civilizations, virtual museum, project-based learning, international environment

Nhận bài: 19/04/2026

Phản biện: 21/05/2026

Duyệt đăng: 25/05/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (CT GDPT 2018) và xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng, dạy học Lịch sử đang đứng trước yêu cầu đổi mới căn bản về mục tiêu, nội dung và phương pháp. Chương trình xác định năng lực lịch sử (NLLS) là năng lực đặc thù của môn học, bao gồm ba thành tố cốt lõi: năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn cuộc sống. Phát triển NLLS không chỉ là mục tiêu giáo dục mà còn là cầu nối giúp học sinh trở thành những công dân có tư duy phê phán, có ý thức văn hóa và khả năng thích ứng với thế giới đa dạng.

Chủ đề “Một số nền văn minh thế giới thời cổ – trung đại” trong chương trình Lịch sử 10 THPT là một trong những nội dung có tiềm năng phát triển NLLS đặc biệt phong phú. Học sinh có cơ hội tiếp

cận, phân tích và đánh giá các di sản văn minh nhân loại từ Ai Cập, Lưỡng Hà, Hy Lạp, La Mã đến Trung Hoa, Ấn Độ và văn minh Đông Nam Á, những nền tảng hình thành thế giới hiện đại. Tuy nhiên, thực tiễn dạy học cho thấy phần lớn GV vẫn chủ yếu dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức sự kiện một chiều, ít khai thác tiềm năng phát triển NLLS thông qua các hình thức tổ chức dạy học sáng tạo, đặc biệt là ứng dụng công nghệ giáo dục và tiếp cận liên văn hóa.

Tại môi trường giáo dục quốc tế đa ngữ, đa văn hóa như Trường TH, THCS và THPT Quốc tế Nhật Bản (Hà Nội), nơi học sinh Nhật Bản và Việt Nam cùng học tập, chủ đề văn minh thế giới mang thêm chiều kích liên văn hóa đặc biệt: mỗi học sinh vừa là người tiếp nhận tri thức vừa là tài nguyên văn hóa quý giá cho tập thể. Điều này đặt

ra yêu cầu cần có hệ thống biện pháp tổ chức dạy học phù hợp, khai thác được đặc thù đó để phát triển NLLS một cách toàn diện và bền vững.

Trên cơ sở các lý do khoa học và thực tiễn trên, bài viết tập trung nghiên cứu và đề xuất một số biện pháp phát triển năng lực lịch sử cho học sinh lớp 10 THPT thông qua dạy học chủ đề “Một số nền văn minh thế giới thời cổ – trung đại”, nhằm đóng góp thiết thực vào việc nâng cao chất lượng dạy học Lịch sử theo định hướng CT GDPT 2018.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Quan niệm về phát triển năng lực lịch sử trong dạy học lịch sử

Năng lực lịch sử là năng lực đặc thù của môn học, được định nghĩa là khả năng vận dụng kiến thức lịch sử, kỹ năng tư duy lịch sử và thái độ, giá trị để nhận thức, lý giải và vận dụng lịch sử vào thực tiễn cuộc sống. Theo CT GDPT 2018, NLLS bao gồm ba thành tố cấu trúc: (i) Năng lực tìm hiểu lịch sử – biết thu thập, xử lý thông tin và khai thác tư liệu lịch sử từ nhiều nguồn khác nhau; (ii) Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử – biết trình bày, phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện, nhân vật, hiện tượng lịch sử; (iii) Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử – liên hệ lịch sử với thực tiễn, rút ra bài học và giải quyết các vấn đề đương đại có liên quan đến lịch sử.

Dưới góc độ sư phạm, phát triển NLLS là quá trình có chủ đích, mang tính hệ thống, diễn ra liên tục theo quy luật biện chứng: từ “hình thành” (xây dựng nền tảng tri thức, kỹ năng, thái độ) đến “phát triển” (nâng cao mức độ vận dụng linh hoạt và sáng tạo trước những nhiệm vụ ngày càng phức tạp). Trong dạy học lịch sử, quá trình này không tách rời đặc trưng nhận thức của bộ môn: học sinh

tiếp cận quá khứ thông qua các tư liệu gián tiếp, cần có tư duy phê phán để phân tích, đánh giá và tái dựng lịch sử.

Đối với chủ đề văn minh thế giới, NLLS được phát triển qua việc học sinh: (1) Khai thác đa dạng nguồn sử liệu (văn bản, hình ảnh, bản đồ, hiện vật, học liệu số); (2) Nhận thức các thành tựu văn minh trong bối cảnh lịch sử – địa lý cụ thể; (3) So sánh, đánh giá các nền văn minh phương Đông và phương Tây; (4) Liên hệ ảnh hưởng của các nền văn minh cổ đại đến thế giới hiện đại và đến văn hóa dân tộc. Đây là nền tảng lý luận để thiết kế các biện pháp dạy học phù hợp.

2.2. Thực trạng dạy học chủ đề văn minh thế giới và phát triển năng lực lịch sử

Để xác định cơ sở thực tiễn, nghiên cứu tiến hành khảo sát định lượng với hai nhóm đối tượng: 57 GV Lịch sử tại nhiều tỉnh thành và 306 HS khối THPT tại Trường Quốc tế Nhật Bản (Hà Nội). Công cụ đo lường là thang đo Likert 5 bậc, xử lý bằng SPSS 26.0; toàn bộ thang đo đạt hệ số Cronbach’s Alpha từ 0,824 đến 0,945, đảm bảo độ tin cậy cao.

Kết quả khảo sát GV cho thấy phần lớn giáo viên vẫn ưu tiên phương pháp thuyết trình kết hợp học liệu trực quan (ĐTB SD1 = 4,30) và kỹ thuật dạy học tích cực như khăn trải bàn, mảnh ghép (ĐTB SD5 = 4,12). Trong khi đó, các hình thức đổi mới có tiềm năng phát triển NLLS cao hơn như học tập qua bảo tàng/virtual tours (ĐTB SD7 = 3,60), ứng dụng VR/AR/AI (ĐTB SD4 = 3,82) và nhập vai/sân khấu hóa (ĐTB SD3 = 3,65) được sử dụng ở mức thấp hơn và có độ phân tán lớn (ĐLC > 0,90), phản ánh sự không đồng đều đáng kể giữa các GV (xem Bảng 1).

Bảng 1. Mức độ sử dụng các phương pháp/kỹ thuật dạy học của GV (n = 57)

Mã	Phương pháp/kỹ thuật dạy học	ĐTB	ĐLC	XH
SD1	Thuyết trình kết hợp học liệu trực quan (hình ảnh, video, sơ đồ)	4,30	0,654	1
SD2	Dạy học dự án (Project-based learning) để HS tự chủ tìm hiểu văn minh	4,02	0,954	3
SD3	Nhập vai, sân khấu hóa các sự kiện/nhân vật lịch sử	3,65	0,935	6
SD4	Ứng dụng công nghệ (VR, AR, AI, các nền tảng EdTech)	3,82	1,071	4
SD5	Kỹ thuật dạy học tích cực (Khăn trải bàn, Mảnh ghép,...) trong thảo luận nhóm	4,12	0,867	2
SD6	Hướng dẫn HS khai thác trực tiếp các nguồn sử liệu nguyên thủy	3,82	0,928	4
SD7	Học tập qua di sản (tham quan bảo tàng thực tế hoặc virtual tours)	3,60	1,147	7
	Điểm trung bình chung	3,90	–	–

Ghi chú: ĐTB = Điểm trung bình (thang Likert 5); ĐLC = Độ lệch chuẩn.

Nhìn chung, GV nhận thức tốt về vai trò của chủ đề trong phát triển NLLS (ĐTB nhóm nhận thức = 4,43), đặc biệt đánh giá cao giá trị phát triển năng lực so sánh và đối chiếu các hệ giá trị văn hóa (NT2, ĐTB = 4,53). Tuy nhiên, khoảng cách giữa nhận thức và thực tiễn áp dụng các phương pháp đổi mới phản ánh những rào cản thực tế mà GV đang đối mặt, đặc biệt là hạn chế về thời lượng chương trình (ĐTB TLKK6 = 4,16) và thiếu nguồn tài liệu phù hợp (ĐTB TLKK5 = 3,91).

Về phía HS, 71,9% bày tỏ thích hoặc rất thích môn Lịch sử, và điểm trung bình chung của nhóm thang đo về mức độ yêu thích và hiểu biết ban đầu đạt 4,16/5. Đáng chú ý, HS xác nhận rào cản lớn nhất là phải ghi nhớ quá nhiều mốc thời gian và sự kiện phức tạp (ĐTB KK1 = 3,60), phản ánh xu hướng dạy học nặng về thuộc bài hơn là phát triển tư duy. Điều này khẳng định sự cần thiết phải đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển NLLS.

2.3. Một số biện pháp phát triển năng lực lịch sử qua dạy học chủ đề văn minh thế giới

Trên cơ sở lý luận về NLLS và kết quả khảo sát thực tiễn, bài viết đề xuất bốn nhóm biện pháp có tính hệ thống và tính khả thi cao, được xây dựng theo nguyên tắc: (1) bám sát cấu trúc NLLS trong CT GDPT 2018; (2) phù hợp với đặc thù nội dung chủ đề văn minh thế giới; (3) tận dụng lợi thế của môi trường giáo dục đa ngữ, đa văn hóa.

Biện pháp 1: Tổ chức học tập trải nghiệm thông qua bảo tàng ảo và học liệu số đa ngôn ngữ

Bảo tàng ảo (virtual museum) là công cụ đặc biệt phù hợp với chủ đề văn minh thế giới, nơi “khoảng cách thời gian” là rào cản nhận thức lớn nhất. GV tổ chức cho HS “tham quan” các bảo tàng trực tuyến uy tín như Google Arts & Culture (Bảo tàng Ai Cập, Bảo tàng Quốc gia Hy Lạp), British Museum Collection, Smithsonian Open Access, kết hợp với công nghệ 360° VR để đưa học sinh “đứng trước” các di tích văn minh thực sự. Bài học có thể thiết kế theo mô hình “thám tử lịch sử” – HS nhận “nhiệm vụ điều tra” về một nền văn minh, sử dụng bảo tàng ảo như nguồn “hiện trường” để thu thập bằng chứng, sau đó trình bày kết luận của mình.

Đặc biệt, trong bối cảnh lớp học đa quốc tịch Nhật-Việt, GV có thể thiết kế học liệu song ngữ (tiếng Nhật-tiếng Việt) hoặc đa ngữ (thêm tiếng Anh) về các nền văn minh, khai thác vốn hiểu biết sẵn có của HS Nhật Bản về ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa và Ấn Độ đối với văn hóa Nhật Bản – một nguồn tài nguyên học tập không thể có ở lớp học đơn văn hóa. Biện pháp này phát triển

mạnh NLLS thành tố 1 (tìm hiểu lịch sử từ nhiều loại hình tư liệu, nhận diện và đánh giá giá trị của nguồn sử liệu).

Biện pháp 2: Vận dụng dạy học dự án (PBL) theo tiếp cận liên văn hóa

Dạy học dự án (Project-Based Learning – PBL) là hình thức tổ chức học tập hiệu quả nhất để phát triển NLLS một cách toàn diện và đồng bộ. GV thiết kế các “dự án lớn” kéo dài 2–3 tuần với sản phẩm đầu ra đa dạng: Bảo tàng số về văn minh (dùng Metasteps, Google Sites), Bản đồ tương tác hành trình văn minh (Google My Maps/StoryMaps), Video tư liệu lịch sử ngắn (CapCut), Infographic so sánh thành tựu các nền văn minh (Canva), Podcast “Câu chuyện văn minh” (Anchor). Các nhóm dự án được cấu trúc hỗn hợp Nhật-Việt để tối đa hóa trải nghiệm liên văn hóa.

Điểm đặc sắc của biện pháp này trong bối cảnh trường quốc tế là yêu cầu HS thực hiện “nhiệm vụ so sánh liên văn hóa”: sau khi nghiên cứu một nền văn minh cổ đại (ví dụ văn minh Trung Hoa), HS tìm hiểu ảnh hưởng cụ thể của nền văn minh đó đến văn hóa Nhật Bản (qua góc nhìn của HS Nhật) và Việt Nam (qua góc nhìn của HS Việt). Quá trình này không chỉ phát triển cả ba thành tố NLLS mà còn hình thành thái độ tôn trọng sự đa dạng văn hóa – một giá trị cốt lõi được 94,4% HS xác nhận là quan trọng nhất mà chủ đề mang lại (ĐTB MD4 = 4,43).



Biện pháp 3: Sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực kết hợp khai thác sử liệu đa dạng

Biện pháp này tập trung phát triển NLLS thành tố 2 – năng lực nhận thức và tư duy lịch sử – thông qua các kỹ thuật dạy học tích cực được điều chỉnh phù hợp với đặc thù chủ đề văn minh. Một số kỹ thuật có tính hiệu quả cao bao gồm: (1) Kỹ thuật “Khăn trải bàn” biến thể, mỗi góc bàn đại diện cho một nền văn minh (Ai Cập, Lưỡng Hà, Hy Lạp, Trung Hoa), HS diễn các thành tựu đặc trưng rồi rút ra điểm chung và khác biệt ở trung tâm; (2) Kỹ thuật “Mảnh ghép liên văn minh”, HS chuyên

gia về từng nền văn minh chia sẻ kiến thức cho nhóm mới, sau đó cùng tổng hợp “Bức tranh văn minh nhân loại”; (3) Phương pháp “Tòa án lịch sử” mô phỏng, các nhóm bảo vệ tầm quan trọng của nền văn minh mà nhóm đại diện, dùng tư liệu gốc làm “bằng chứng”.

Điều kiện cốt lõi để các kĩ thuật này phát triển được NLLS là phải đi kèm với hoạt động khai thác sử liệu đa dạng và có chiều sâu. GV cần chuẩn bị hệ thống sử liệu phong phú: văn bản gốc (sách *Analects* của Khổng Tử), hình ảnh hiện vật (tượng Sphinx, chữ hình nêm), bản đồ phân bố các nền văn minh, đoạn trích tư liệu về đời sống xã hội, kinh tế. Học sinh học cách đặt câu hỏi về tư liệu (Who made it? When? Why? Is it reliable?), từ đó hình thành tư duy phê phán, đây là nền tảng của NLLS.

Biện pháp 4: Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực lịch sử

Đánh giá NLLS cần vượt ra ngoài khuôn khổ kiểm tra kiến thức thuần túy để đo lường được cả ba thành tố năng lực. GV thiết kế hệ thống đánh

giá đa dạng và đa tầng: (1) Đánh giá sản phẩm học tập số (rubric 4 mức cho infographic, video, bản đồ tương tác); (2) Đánh giá quá trình qua nhật ký học tập và phiếu tự đánh giá/đánh giá đồng đẳng; (3) Đánh giá năng lực trình bày và lập luận qua thuyết trình nhóm; (4) Đánh giá tư duy phê phán qua bài viết phân tích sử liệu ngắn. Hệ thống này không chỉ đánh giá “biết gì” mà còn đánh giá “làm được gì với những gì đã biết”, tiêu chí cốt lõi của đánh giá theo định hướng năng lực.

Kết quả khảo sát cho thấy GV đánh giá cao tính khả thi của biện pháp đổi mới đánh giá qua sản phẩm dự án thực tế (KT3, ĐTB = 4,40; 98,2% GV đồng ý). Biện pháp thành lập Câu lạc bộ Lịch sử/Văn hóa (KT7, ĐTB = 4,44), tạo không gian để HS tiếp tục phát triển NLLS ngoài giờ học chính khóa – cũng nhận được sự đồng thuận cao nhất từ GV (96,5% đồng ý). Điểm trung bình chung của nhóm thang đo về tính khả thi đạt 4,33/5, cho thấy sự đồng thuận cao với toàn bộ hệ thống biện pháp đề xuất (Bảng 2).

Bảng 2. Đánh giá của GV về tính khả thi của các biện pháp đề xuất (n = 57)

Mã	Biện pháp đề xuất	ĐTB	ĐLC	XH
KT1	Xây dựng hệ thống học liệu số song ngữ/đa ngữ gắn với chủ đề văn minh thế giới	4,25	0,606	7
KT2	Tích hợp ứng dụng công nghệ giáo dục (bảo tàng ảo, VR, AR, AI)	4,35	0,612	4
KT3	Đổi mới kiểm tra đánh giá qua sản phẩm dự án thực tế	4,40	0,530	3
KT4	Tổ chức hoạt động ngoại khóa liên văn hóa (Ngày hội giao lưu văn hóa)	4,35	0,582	4
KT5	Tăng cường tổ chức tiết học liên môn (Lịch sử – Địa lý – Văn học – Nghệ thuật)	4,39	0,648	2
KT6	Kết nối với trường đối tác quốc tế – lớp học không biên giới (Borderless classroom)	4,16	0,751	6
KT7	Thành lập và vận hành Câu lạc bộ Lịch sử/Văn hóa ngoài giờ lên lớp	4,44	0,567	1
	Điểm trung bình chung	4,33	–	–

Ghi chú: ĐTB = Điểm trung bình (thang Likert 5); ĐLC = Độ lệch chuẩn; Thang đo từ 1 (Hoàn toàn không đồng ý/Rất không khả thi) đến 5 (Hoàn toàn đồng ý/Rất khả thi).

Về phía HS, kết quả khảo sát mức độ hứng thú với các biện pháp/hoạt động mới cũng cho thấy sự đón nhận tích cực (ĐTB chung = 4,28/5). Đặc biệt, tham quan bảo tàng ảo về văn minh thế giới dẫn đầu (HT1, ĐTB = 4,52), tiếp theo là thực hiện

dự án nhóm tạo sản phẩm số (HT2, ĐTB = 4,43) và so sánh văn minh Nhật – Việt với văn minh thế giới (HT4, ĐTB = 4,35). Kết quả này xác nhận sự phù hợp của các biện pháp đề xuất với nhu cầu và hứng thú thực sự của người học (Bảng 3).

Bảng 3. Mức độ hứng thú của HS với các biện pháp/hoạt động học tập mới (n = 306)

Mã	Hoạt động/Biện pháp mới	ĐTB	ĐLC	XH
HT1	Tham quan bảo tàng ảo về văn minh thế giới (Google Arts & Culture, 360° VR)	4,52	0,621	1
HT2	Thực hiện dự án nhóm: tạo sản phẩm số (video tư liệu, bản đồ tương tác, infographic)	4,43	0,658	2
HT3	Mô phỏng phiên họp, hội nghị các nền văn minh cổ đại (nhập vai/đóng kịch)	4,18	0,812	5
HT4	So sánh thành tựu văn minh Nhật Bản và Việt Nam với các nền văn minh thế giới	4,35	0,694	3
HT5	Sử dụng AI (ChatGPT, Gemini) hỗ trợ tìm kiếm và phân tích sử liệu	4,29	0,743	4
HT6	Học tập liên môn tích hợp Lịch sử – Địa lý – Nghệ thuật – Công nghệ	4,12	0,831	6
HT7	Tổ chức tranh luận học thuật (debate) về giá trị các nền văn minh	4,06	0,875	7
	Điểm trung bình chung	4,28	–	–

Ghi chú: ĐTB = Điểm trung bình (thang Likert 5); ĐLC = Độ lệch chuẩn. Thang đo từ 1 đến 5.

2.4. Điều kiện thực hiện và một số lưu ý sư phạm

Để các biện pháp trên phát huy hiệu quả tối ưu trong việc phát triển NLLS, cần đảm bảo một số điều kiện sư phạm thiết yếu. Trước hết, GV cần thiết kế lộ trình phát triển NLLS tịnh tiến theo mức độ: từ biết nhận diện và khai thác tư liệu đơn giản (mức 1), đến phân tích và so sánh tư liệu đa chiều (mức 2), đến đánh giá có lập luận và vận dụng vào thực tiễn (mức 3). Mỗi biện pháp không nên được triển khai riêng lẻ mà cần phối hợp trong một chuỗi học tập liên kết.

Thứ hai, trong môi trường đa văn hóa Nhật – Việt, GV cần xây dựng “khung tham chiếu liên văn hóa”, tức là luôn tạo cơ hội để HS Nhật và HS Việt kết nối nội dung văn minh thế giới với văn hóa dân tộc mình. Điều này không chỉ làm sâu sắc thêm NLLS thành tố 3 (vận dụng) mà còn tạo ra giá trị giáo dục liên văn hóa không thể thay thế. Thứ ba, đánh giá NLLS cần được thực hiện liên tục, đa chiều và có phản hồi cá nhân hóa, giúp HS nhận ra điểm mạnh và điểm cần cải thiện trong quá trình phát triển năng lực của bản thân.

III. KẾT LUẬN

Bài viết đã làm rõ quan niệm về phát triển NLLS trong dạy học Lịch sử theo CT GDPT 2018 và phân tích thực trạng dạy học chủ đề “Một số nền văn minh thế giới thời cổ – trung đại” qua

khảo sát 57 GV và 306 HS. Kết quả khảo sát xác nhận: GV nhận thức tốt về giá trị phát triển NLLS của chủ đề nhưng còn hạn chế trong việc áp dụng các phương pháp đổi mới; HS có hứng thú học tập cao nhưng đang bị rào cản bởi lối dạy học thiên về ghi nhớ hơn phát triển tư duy.

Bốn nhóm biện pháp được đề xuất – (1) tổ chức học tập trải nghiệm qua bảo tàng ảo và học liệu số đa ngôn ngữ; (2) vận dụng PBL theo tiếp cận liên văn hóa; (3) sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực kết hợp khai thác sử liệu đa dạng; (4) đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng NLLS – nhận được sự đồng thuận cao từ GV (ĐTB = 4,33/5) và sự hứng thú tích cực từ HS (ĐTB = 4,28/5). Các biện pháp được thiết kế theo nguyên tắc tịnh tiến, có sự phối hợp chặt chẽ và khai thác đặc thù của môi trường giáo dục quốc tế đa ngữ, đa văn hóa.

Hướng nghiên cứu tiếp theo cần tổ chức thực nghiệm sư phạm có đối chứng để kiểm chứng hiệu quả thực tế của các biện pháp đề xuất, đặc biệt trong việc đo lường sự phát triển cụ thể của từng thành tố NLLS sau tác động. Đồng thời, cần có các nghiên cứu chuyên sâu về thiết kế học liệu số đa ngôn ngữ và xây dựng bộ tiêu chí đánh giá NLLS chuẩn hóa phù hợp với bối cảnh trường quốc tế tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Lịch sử (ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022)*, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thế Bình & Lê Thị Thu (2016), “*Đạy theo chủ đề trong môn Lịch sử ở trường THPT*”, Tạp chí Giáo dục, Số 388, kì 2-8/2016, tr. 28–31.
- Nguyễn Thị Thùy My, Nguyễn Mạnh Hường (2026), *Nâng cao hiệu quả bài thực hành trong môn Lịch sử ở trường THPT*, Tạp chí Giáo dục (2026), 26 (số đặc biệt 2, tháng 3), tr.254-259.
- Nguyễn Thị Quý (2022), *Tổ chức dạy học chủ đề Lịch sử ở trường THPT theo định hướng phát triển năng lực*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Schweibenz, W. (1998), *The Virtual Museum: New Perspectives for Museums to Present Objects and Information Using the Internet as a Knowledge Base and Communication System*, in: H. Zimmermann and V. Schramm (eds.), *Knowledge Management und Kommunikationssysteme*, Konstanz: UVK, pp. 185–200.
- Trương Trung Phương (2025), “*Định hướng tổ chức dạy học bài thực hành Lịch sử ở trường THPT*”, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt tháng 01/2025, tr. 46–51.
- Vũ Ánh Tuyết (2013), *Tổ chức dạy học thực hành Lịch sử theo hướng phát triển năng lực học sinh THPT*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.